

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung khi
ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hải Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Văn Lợi;

- Bà Vương Thị Thoan;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **Khu H, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ**

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Lý Văn T1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Thôn E, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái**

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ

(Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2024 và bản tự khai, nguyên đơn chị **Bàn Thị T** trình bày:

Chị **Bàn Thị T** và anh **Lý Văn T1** kết hôn ngày 10/5/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Đến năm 2017, anh **Lý Văn T1** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu anh **T1** có điện thoại liên lạc về gia đình, nhưng sau đó thưa dần, tình cảm vợ chồng trở nên xa cách, đến nay không còn liên lạc nữa. Anh **T1** cũng không cho chị **T** biết địa chỉ cụ thể của anh **T1** ở đâu. Đến nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Chị [Bàn Thị T](#) và anh [Lý Văn T1](#) có 01 con chung là cháu [Lý Vinh Q](#), sinh ngày 01/7/2012 hiện cháu [Q](#) đang ở cùng chị [T](#), chị [T](#) đề nghị được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh [T1](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [Bàn Thị T](#) từ chối hòa giải, xin được giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị [Bàn Thị T](#) chỉ cung cấp được thông tin anh [Lý Văn T1](#) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh [Lý Văn T1](#); Bị đơn anh [Lý Văn T1](#) vắng mặt.

Ngày 07-5-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã tiến hành xác minh lấy lời khai của bố mẹ của anh [Lý Văn T1](#) là ông [Lý Xuân T2](#) và bà [Chu Thị T3](#) tại xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái (bà [Chu Thị T3](#) đi vắng không có mặt). Ông [T2](#) xác nhận ông có con đẻ là anh [Lý Văn T1](#), sinh năm 1987, anh [T1](#) kết hôn với chị [Bàn Thị T](#), sau khi kết hôn sống chung cùng bố mẹ một thời gian, sau đó anh [T1](#) đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản khoảng 7, 8 năm nay, hàng năm anh [T1](#) vẫn về nhà, gần đây nhất là tết năm 2024 anh [T1](#) về nhà ăn tết, sau đó anh [T1](#) tiếp tục đi Nhật Bản để làm việc. Anh [T1](#) vẫn thường xuyên điện thoại liên lạc về gia đình qua mạng xã hội ([Z](#)), nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản vì ông [T2](#) cũng không biết, gần đây nhất anh [T1](#) có liên lạc về gia đình, nhưng cũng không thấy anh [T1](#) nói chuyện về việc chị [T](#) có đơn xin ly hôn với anh [T1](#). Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái thông tin cho ông [T2](#) biết, hiện nay chị [T](#) có đơn xin ly hôn với anh [T1](#), ông [T2](#) đảm bảo sẽ thông tin lại với con trai ông là anh [T1](#) về việc chị [T](#) có đơn ly hôn với anh, để anh [T1](#) liên hệ với Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đưa ra ý kiến của mình về việc chị [T](#) có đơn xin ly hôn với anh. Trường hợp nếu anh [T1](#) không có ý kiến gì thì Tòa án sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của anh [T1](#) thông qua Phòng Quản lý xuất nhập cảnh [Công an tỉnh Y](#), nhưng chỉ có thông tin về việc anh [Lý Văn T1](#) xuất cảnh gần nhất đến [Sân bay Quốc tế K - Nhật Bản](#) vào ngày 13/3/2024. Chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo đề nghị của chị [Bàn Thị T](#), Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị anh [T1](#) đến Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn trong ba số liên tiếp trên [B](#), nhưng đến nay anh [T1](#) vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, bản khai để giải quyết việc ly hôn với chị [T](#) theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Bàn Thị T](#).

- Về quan hệ hôn nhân: Chị [Bàn Thị T](#) được ly hôn anh [Lý Văn T1](#);

- Về con chung: Giao cho chị [Bàn Thị T](#) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu [Lý Vinh Q](#), sinh ngày 01/7/2012, anh [Lý Văn T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Người

không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.
- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh [Lý Văn T1](#) là công dân Việt Nam đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để xác định địa chỉ của anh [Lý Văn T1](#) đang ở nước ngoài: Gửi Công văn hỏi Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, [Công an tỉnh Y](#); thông qua thân nhân của anh [T1](#) là ông [Lý Xuân T2](#) thì được biết là hiện nay anh [T1](#) vẫn ở Nhật Bản, vẫn liên hệ với người thân, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ Tòa án giải quyết theo thủ tục chung; Chị [T](#) có đơn từ chối hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được; căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của chị [Bàn Thị T](#):

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Bàn Thị T](#) và anh [Lý Văn T1](#) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với ngày 10/5/2013, tại [Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ](#) là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2017 anh [T1](#) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về, vợ chồng liên lạc thời gian đầu sau đó không còn liên lạc với nhau nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách, mâu thuẫn kéo dài, chị [T](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị [T](#) và anh [T1](#) đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị [Bàn Thị T](#) có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh [Lý Văn T1](#) là có cơ sở nên cần được chấp nhận cho chị [T](#) được ly hôn anh [T1](#).

Về con chung: Chị [Bàn Thị T](#) và anh [Lý Văn T1](#) có 01 con chung là cháu [L](#) Vinh Quang sinh ngày 01/7/2012. Xét thấy, cháu [Q](#) chưa thành niên, được chị [T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi anh [T1](#) đi lao động ở nước ngoài (Nhật Bản) đến nay, cháu [Q](#) có nguyện vọng được ở với chị [T](#). Do vậy, cần giao con chung là cháu [Q](#) cho chị [T](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị [T](#) không yêu cầu nên anh [T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Chị [Bàn Thị T](#) phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của [Đ](#) và [B1](#)).

[4] Về án phí: Chị [Bàn Thị T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị [Bàn Thị T](#) được ly hôn với anh [Lý Văn T1](#).

2. Về con chung: Giao cháu [L](#) Vinh Quang sinh ngày 01/7/2012 cho chị [Bàn Thị T](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh [Lý Văn T1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Chị [Bàn Thị T](#) phải chịu 6.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên [B1](#), [Đ](#) (Xác nhận chị [T](#) đã nộp đủ).

4. Về án phí: Chị [Bàn Thị T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị [T](#) đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/20223/0000025 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Chị [T](#) đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị [Bàn Thị T](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; anh [Lý Văn T1](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hải Anh

